

Bản án số: 128/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/9/2020  
(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm*

*Các hội thẩm nhân dân:*

**1/. Ông Nguyễn Minh Hoàng**

**2/. Bà Phạm Thị Nhâm**

Thư ký phiên tòa: **Ông Trương Quốc Đại** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Trung Thai**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 329/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp yêu cầu ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Út E**, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp Hòa I, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

**- Bị đơn: Bà Trần Ngọc D**, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp Hòa I, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

*(ông Út E có đơn xin xét xử vắng mặt, bà D vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2020, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Út E trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: giữa ông với bà Trần Ngọc D đi đến hôn nhân do quen biết, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới hỏi theo phong tục tại địa phương vào năm 1988, nhưng đến nay ông bà vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo ông Út E xác định: Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cự cãi do tính tình không hợp nhau, vợ

chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 10 năm, trong thời gian vợ chồng sống xa nhau không ai quan tâm ai hay tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. nay anh chị nhận thấy vợ chồng không còn khả năng tiếp tục chung sống với nhau, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Ngọc D.

Về con chung: ông Nguyễn Út E xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên Nguyễn Việt Như Y, sinh năm 1985 (con nuôi), Nguyễn Thị Huỳnh Nh, sinh năm 1993 và Nguyễn Chí Kh, sinh ngày 09/9/2004. Hiện cháu Y và cháu Nh đã trưởng thành và có khả năng lao động, còn cháu Khanh hiện sống với bà D. Khi ký hôn ông đồng ý giao cháu Kh cho bà D nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con ông không đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết; đối với cháu Y và cháu Nh đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Nguyễn Út E xác định trong thời gian chung sống không có tài sản chung và nợ chung. Khi ly hôn ông không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bà Trần Ngọc D: Mặc dù bà D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà D vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với bà D theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: ông Út E và bà D chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Út E và bà D.

Về con chung: giao người con chung tên Nguyễn Chí Kh, sinh ngày 09/9/2004 cho bà Trần Ngọc D được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Nguyễn Út E được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Nguyễn Út E không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Nguyễn Út E không đặt ra yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình thì ông Nguyễn Út E phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại D Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Út E có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với bà D. Bà D có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Ông Nguyễn Út E có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Út E.

Bà Trần Ngọc D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng bà D vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trần Ngọc D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Út E và bà D chung sống với nhau vào năm 1988, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đến nay thì ông bà đã có con chung, nhưng vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy việc không đi đăng ký kết hôn giữa ông Út E và bà D là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa ông Út E và bà D không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay ông Út E xin ly hôn với bà D thì Hội đồng xét xử không giải quyết cho ông Út E và bà D ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Út E và bà D là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Từ lúc ông Út E và bà D sống ly thân với nhau bà D là người trực tiếp nuôi con chung. Bà D vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này, ông Út E cũng đồng ý giao con cho bà D nuôi dưỡng. Do đó,

Hội đồng xét xử xét thấy giao con cho bà D được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục con chung là hoàn toàn phù hợp.

Ông Nguyễn Út E được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Nguyễn Út E không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông Nguyễn Út E không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Út E phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Út E và bà Trần Ngọc D là vợ chồng.

2/. Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Chí Kh, sinh ngày 09/9/2004 cho bà Trần Ngọc D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Nguyễn Út E được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Nguyễn Út E không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: ông Nguyễn Út E không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Nguyễn Út E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng

án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007671 ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho ông Nguyễn Út E và bà Trần Ngọc D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

**Trương Hồng Diễm**